

**TCVN**

**TIÊU CHUẨN VIỆT NAM**

**TCVN 5899 - 1995**

**GIẤY VIẾT**

**HÀ NỘI - 1995**

# GIẤY VIẾT

*Writing papers*

## 1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho giấy sử dụng để làm vở học sinh, giấy tập, giấy ram, sổ công tác

## 2 Quy cách và kích thước:

Giấy viết được sản xuất theo hai dạng, dạng cuộn và dạng tờ

### 2.1 Dạng cuộn

Chiều rộng cuộn giấy theo yêu cầu của khách hàng, sai số của chiều rộng cuộn  $\pm 2$  mm.

Đường kính cuộn thông thường từ 0,9 đến 10m

### 2.2 Dạng tờ

Kích thước theo TCVN 193 - 66 hoặc theo yêu cầu của khách hàng. Sai số của tờ giấy:

Đối với kích thước nhỏ hơn 400 mm:  $\pm 1$  mm

Đối với kích thước lớn hơn 400 mm:  $\pm 2$  mm

## 3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Các chỉ tiêu chất lượng của giấy viết theo đúng quy định trong bảng 1

Bảng 1

Tên các chỉ tiêu	Mức	Phương pháp thử
1. Khối lượng 1m <sup>2</sup> , g không nhỏ hơn	60	TCVN 1270 - 72
2. Độ dài đứt bình quân theo chiều dọc và ngang, m không nhỏ hơn	3000	TCVN 1862- 76
3. Độ hút nước, ml/phút không nhỏ hơn.	30	TCVN 1863 - 76
4. Độ trắng, % không nhỏ hơn.	75	TCVN 1865 - 76
5. Độ ẩm, %	$7 \pm 1$	TCVN 1867 - 76
6. Độ chịu gấp, lần không nhỏ hơn.	20	TCVN 1866 - 76
7. Độ nhám, ml/phút không lớn hơn	400	TCVN 3226 - 88
8. Độ tro, %	$0 \pm 1$	TCVN 1864 - 76
9. Độ đục, % không nhỏ hơn	80	
10. Độ bụi, hạt/m <sup>2</sup> không lớn hơn.		TCVN 1868 - 76
- Cỡ 0,25 đến 2 mm	100	
- Cỡ từ 2 đến 3 mm	không cho phép	

- 3.2 Giấy phải đóng đều về độ dày và sự phân bố xơ sợi và không được nhân gấp, thùng rách hoặc dây bần.
- 3.3 Cuộn giấy phải tròn, chặt, mặt cắt hai đầu cuộn giấy phải phẳng, sạch sẽ.
- 3.4 Số mối nối trong mỗi cuộn không lớn hơn 3. Các mối nối phải được dán cẩn thận bằng băng dính.
- 3.5 Lõi cuộn giấy phải cứng, không được móp meo, lồi ra hoặc hụt so với mặt cắt của cuộn giấy qua 5 mm và đóng nút gỗ hai đầu.
- 3.6 Mép tờ giấy phải phẳng, nhẵn, không bị xơ xước; Độ xiên của tờ giấy không lớn hơn 0,3%.

## 4 Phương pháp thử

- 4.1 Lấy mẫu theo TCVN 3649 - 81.
- 4.2 Các chỉ tiêu chất lượng được xác định theo các TCVN ghi trong bảng 1.

## 5 Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản.

### 5.1 Bao gói

- 5.1.1 Giấy dạng tờ được gói thành ram với số lượng  $500 \pm 10$  tờ/ram và được đóng thành kiện theo yêu cầu của khách hàng.
- 5.1.2 Giấy dạng cuộn được bao gói bằng 4 lớp giấy bao gói.

Hai đầu cuộn phải bịt bằng 3 lớp giấy bao gói, nếp gấp mép phải gọn, được dán keo và ép chặt.

### 5.2 Ghi nhãn.

- 5.2.1 Trên mỗi ram giấy phải có nhãn ghi ký hiệu cơ sở sản xuất, tên sản phẩm.
- 5.2.2 Các cuộn giấy và kiện giấy phải có nhãn ghi :
  - Tên sản phẩm
  - Tên cơ sở sản xuất.
  - Khối lượng.
  - Ngày sản xuất.

Nhãn dán ở vị trí thống nhất trên tất cả các cuộn giấy hoặc kiện giấy.

### 5.3 Vận chuyển

Phương tiện vận chuyển phải sạch sẽ, có mui bạt che mưa, và có đủ tấm kê chuyên dùng để chèn cuộn giấy.

Bóc xếp hàng phải nhẹ nhàng, không được để cuộn giấy hoặc kiện giấy rơi, va đập mạnh làm ảnh hưởng đến chất lượng giấy, và bảo vệ được bao bì, nhãn hiệu.

### 5.4 Bảo quản

Kho chứa giấy phải sạch sẽ, khô ráo, thoáng mát. Các cuộn giấy phải được xếp cách sàn 30 cm và cách tường 40 cm.

Kho phải có hệ thống cứu hỏa tốt, phải được thường xuyên kiểm tra để tránh hỏa hoạn.